

Bản án số: **68/2020/HS-PT**

Ngày: 18 – 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Kính**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2019/TLPT-HS ngày 16-12-2019 đối với các bị cáo **Nguyễn Văn H và đồng phạm** về tội “Giết người”, “Cướp tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ), sinh năm 1949 và mẹ Phạm Thị T, sinh năm 1952; Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 24/4/2012, bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 07/01/2013;

- Ngày 10/01/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 16/7/2014;

- Ngày 07/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 20/10/2015;

- Ngày 03/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương phạt 01 năm 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 08/01/2018;

Nhân thân: Hiện đang bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Tòa án nhân dân huyện N và Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định thụ lý xét xử cùng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2019; có mặt.

2. Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H theo yêu cầu của Tòa án:*

Bà Trần Thị Như T - Luật sư, Văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; Địa chỉ tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị hại:* Là tử thi Nữ giới, độ tuổi từ 40 đến 50 tuổi; phát hiện tại thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (Đã áp dụng tất cả các biện pháp truy tìm trên toàn quốc, nhưng chưa rõ tung tích).

- *Điều tra viên được phân công điều tra vụ án:* Ông Võ Thanh N - Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 19/8/2018, Hoàng Đức S điều khiển xe mô tô biển số 78H-0925 đi từ thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định gặp Nguyễn Văn H để cùng đi trộm cắp tài sản. Khi đi qua cầu S, thuộc tỉnh Bình Định có người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân) xin đi nhờ xe vào thành phố N, tỉnh Khánh Hòa thì S bảo đưa 100.000 đồng tiền xăng, người này đồng ý. Khi đến cây xăng tại Đ thuộc huyện P, S vào đổ xăng thì người phụ nữ này lấy tiền trả, S thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng trong túi người phụ nữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, liền điện thoại cho H biết để tìm cách chiếm đoạt tiền của người phụ nữ này.

Khi đến thị trấn Diêu Trì gặp H, S ra hiệu cho H đi theo và tiếp tục chở người phụ nữ này đi vào hướng nam, còn H điều khiển xe mô tô biển số 78F5-6461 đi theo sau có mang theo một ba lô trong đó có một roi điện có cả chức năng đèn pin. Khi đi đến khu vực đèo C, S nhặt được một sợi dây dù màu xanh cũ dài khoảng 1,93m bỏ lên бага trước cửa xe.

Đến ngã tư QL1A với ĐT 644 (đường đi X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên), S dừng lại mua bánh mì ăn, trong lúc ăn S đến chỗ H để bàn cách cướp tiền của người phụ nữ. H và S thống nhất chở người phụ nữ đi lên hướng X để cướp.

Khi đến cầu B (thuộc thôn B, xã X, thị xã S), S dừng xe lại, H lấy roi điện đến chích vào bên hông trái làm người phụ nữ ngất xỉu. S một tay điều khiển xe, một tay giữ người phụ nữ tiếp tục đi về hướng tây, H điều khiển xe đi theo sau. Đi qua hết cầu C, S dừng xe bên phải đầu cầu có đường mòn dẫn xuống chân cầu, H liền lấy roi điện đến chích tiếp vào người phụ nữ. Sau đó, S và H xốc nách người phụ nữ này xuống xe, H bảo S dắt xe H đem giấu. Sau khi giấu xe của H, S đến xe

của mình lấy sợi dây dù bỏ vào túi quần rồi cùng H khiêng người phụ nữ xuống bãi đất trống dưới gầm cầu, tại đây S nói với H “Có làm thì làm cho trót, giết chết người phụ nữ luôn chứ để bà sống đi báo Công an thì mình chết”, H không có ý kiến gì và thực hiện theo yêu cầu của S. S và H sử dụng sợi dây dù siết cổ người phụ nữ với tư thế mỗi người mỗi đầu dây, nhưng người phụ nữ không chết nên S dùng dây dù thắt mỗi rút (thắt kiểu rút cổ chó) buộc vào cổ người phụ nữ vừa xiết vừa đạp chân vào lưng người phụ nữ, H đứng bên cạnh soi đèn pin cho S siết cổ và dùng tay giữ vai người phụ nữ để khỏi ngã. Xiết một lúc thấy người phụ nữ không cử động biết là chết, H và S khiêng người phụ nữ lên chỗ xe của S đang dựng bên lề đường chờ đi chỗ khác giấu xác tạo hiện trường giả.

H quay lại lấy dép, mũ và sợi dây dù rồi cùng với S đặt người phụ nữ ngồi giữa xe, H ngồi sau, S ngồi trước điều khiển xe chạy lên hướng tây 300m rẽ vào đường đất bên phải khoảng 50m dừng tại khúc cua. S và H khiêng xác người phụ nữ vào rẫy trồng cây keo của ông Lê Đ bên phải cách đường mòn khoảng 30m đến 40m bỏ xác người phụ nữ dưới đất. H lấy dây dù, dép, mũ bỏ gần xác người phụ nữ để tạo hiện trường giả, S lục lấy túi tiền, bỏ lại vài tờ tiền lẻ loại 500 đồng, sau đó S dùng đá đập vào vùng trán người phụ nữ nhằm làm cho chết hẳn và cho Công an khỏi nhận dạng được. Sau khi thực hiện xong, S và H điều khiển xe về lại thành phố Q, tỉnh Bình Định, chạy đến cầu B, S lấy túi xách của người phụ nữ vứt xuống dưới cầu, ra đến đèo C, S chia tiền cướp được mỗi người 7.200.000đ. Khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, S lo sợ nên điện cho Công an thị xã S báo tin có xác chết ở rẫy keo và báo Công an huyện Đ có vụ giao thông chết người trên ĐT 644 để Công an tìm chôn cất người phụ nữ.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 134/TT ngày 27/9/2018 kết luận nguyên nhân chết của người phụ nữ: Gãy cột sống cổ C2, C3.

Bản kết luận giám định số 661/C09 ngày 01/10/2018 của Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Các mẫu vật gửi giám định đều có AND của tử thi, không có AND lạ.

Vật chứng thu giữ:

01 mẫu máu của tử thi đựng trong túi giấy;

01 mẫu móng tay của tử thi đựng trong túi giấy;

02 mẫu chiếc răng tử thi đựng trong túi giấy;

01 đoạn dây ni lông (dây dù) màu xanh cũ, dài 1,93m, dày 5mm, rộng 1,6cm, hai đầu bị tua vải sợi, một đầu dây có nút thắt thừa ra 13 cm, trên đoạn dây này có dính chất màu nâu thẫm đã khô, tóc, lá khô, đựng trong túi giấy;

01 lô uốn tóc có khung nhựa màu hồng, bên trong có bọc xốp kích thước dài 7cm, đường kính 3,5cm có dính chất màu nâu thẫm đựng trong túi giấy;

04 viên đá có kích thước mỗi viên là (5x7x4x2,8)cm; (3,5x4,35x3,5x2,5)cm; (9,7x10x9,5x9) cm; (9x7,5x8,5x3,5x5,5)cm phía trên mỗi viên đá có dính chất màu nâu thẫm, đựng trong túi giấy;

Nhiều lá khô dính chất màu nâu thẫm đựng trong túi giấy;

Tóc quần cục có kích thước (11x8)cm đựng trong túi giấy;

01 áo vải nền xanh chấm bông tròn màu xanh trắng, áo cổ đứng, ngắn tay;

01 áo vải thun màu vàng dài tay;

01 quần vải thun màu xanh chấm vàng, đen, xanh;

01 áo ngực màu hồng đã cũ; 01 quần lót màu hồng; 01 đôi tất màu hồng đã cũ; 02 ống tay áo vải thun màu trắng cũ đựng trong túi ni lông; 01 mũ vải rộng vành màu đỏ, 01 đôi dép nữ màu đỏ đựng trong túi ni lông;

Mẫu máu của Đinh Văn N, sinh năm 1990, trú tại: tỉnh Bình Định;

Mẫu máu của Đặng Thị T, sinh năm 1963, trú tại: tỉnh Bình Định;

Mẫu máu của Phạm Thị N, sinh năm 1946, trú tại: tỉnh Bình Định;

Mẫu máu của Lê Thị T, sinh năm 1961, trú tại: tỉnh Bình Định;

01 chiếc kim điện (roi điện) bằng nhựa đen, kích thước dài 16,5cm, bề ngang rộng 4,7cm, hẹp nhất 04cm, bề dày lớn nhất 03 cm, nhỏ nhất 2,5cm, hai mặt có dòng chữ “500k VOLT-928 TYBE Direct-curent ultrahigh volgate”.

Hai bên đầu kim điện có hai thanh kim loại màu trắng dài 04cm, rộng 0,5 cm, phía cuối hai thanh kim loại có gắn hai chốt bằng kim loại màu trắng, khoảng cách giữa hai chốt là 2,5cm, giữa hai chốt kim loại có 01 đèn pin hình tròn, đường kính 1,5cm.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 01/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Giết người” theo Điểm g, p, Khoản 1, Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Cướp tài sản” theo Điểm h, Khoản 2, Điều 168 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Đức S về tội “Giết người” theo Điểm g, Khoản 1, Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Cướp tài sản” theo Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HSST ngày 07/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điểm g, p, Khoản 1, Điều 123; Điểm h, Khoản 2, Điều 168; điểm c, Khoản 1, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H tù Chung thân về tội “Giết người” và 10 (mười) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu hình phạt chung là tù Chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/11/2019, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo: Bị cáo kháng cáo kêu oan và cho rằng: Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có phương tiện, không mặt tại hiện trường và không có roi điện.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy tại giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Phú Yên đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 358 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, hủy Toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, giao hồ sơ về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên để điều tra lại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Điều tra viên thực hiện việc ghi âm, ghi hình khi hỏi cung đối với bị cáo bị cáo, không thực hiện đúng theo hướng dẫn Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018.

Dữ liệu ghi âm, ghi hình buổi hỏi cung được sao chép qua thiết bị ngoại vi (USB) không phù hợp về ngày giờ với các bản cung có tại hồ sơ vụ án, và cũng không có bản cung nào thể hiện điều tra viên tiến hành ghi âm, ghi hình đối với bị cáo. Thiết bị ngoại vi (USB) đưa vào hồ sơ vụ án không có biên bản niêm phong và ký xác nhận các bị cáo, do đó, chưa đảm bảo tính khách quan thiếu cơ sở pháp lý. Vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy: Chiều tối ngày 19/8/2018, Hoàng Đức S điều khiển xe mô tô 78H-0925 chở người phụ nữ đi trước, H điều khiển xe mô tô 78F5-6461 đi theo sau. Khi S chở người phụ nữ đến cầu B dừng xe lại, H dùng roi điện chích vào hông trái người phụ nữ làm ngất xỉu, sau đó S và H đưa người phụ nữ xuống bãi đất trống dưới gầm cầu C, cả hai bị cáo đều khai dùng dây dù siết cổ nạn nhân đến chết. Tuy nhiên, theo kết luận giám định pháp thì xác định

nạn nhân chết là do gãy đốt sống cổ C2, C3 Như vậy; Nạn nhân chết là do siết cổ hay ngoại lực tác động dẫn đến gãy đốt sống cổ rồi chết, cần phải làm rõ cơ chế dẫn đến chết người, cũng như cơ chế hình thành vết thương khi dùng dây dù siết cổ nạn nhân chết theo như lời khai của các bị cáo và việc dùng roi điện có để dấu vết trên người nạn nhân hay không.

[3] Quá trình điều tra, thu tập 01 chiếc kim điện (roi điện) bằng nhựa đen, kích thước dài 16,5cm, bề ngang rộng 4,7cm, hẹp nhất 04cm, bề dày lớn nhất 03 cm, nhỏ nhất 2,5cm, hai mặt có dòng chữ “500k VOLT-928 TYBE Direct-curent ultrahigh volgate”. Đây là vật chứng rất quan trọng, được xác định bị cáo H dùng để thực hiện tội phạm, nhưng tại các biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản niêm phong đồ vật tài liệu; biên bản thu mẫu, phục vụ giám định cũng như kết luận giám định không có tài liệu nào ghi nhận có thu giữ roi điện và dấu vết trên thi thể nạn nhân. Tuy nhiên, kim điện này được thu giữ trong các vụ án ăn trộm (BL số 159) do H tự nguyện giao nộp cho Công an huyện P ngày 21/11/2018; ngày 24/01/2019 Công Huyện P tiến hành giao, nhận vật chứng thuộc vụ án trộm cắp xảy ra từ ngày 04 tháng 8 đến ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại nhà thợ Hồ Hòa D, C, P cho điều tra viên. Tại sao kết luận điều tra số 53 ngày 15/3/2019 và bản án số 43/2019/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã có hiệu lực pháp luật, không có vật chứng là roi điện được thu giữ trong các vụ trộm cắp nêu trên. Vậy, nguồn gốc kim điện thu giữ trong vụ án trộm cắp có phải vật chứng các bị cáo sử dụng trong vụ án “ giết người” hay không cần phải được điều tra làm rõ theo đúng trình tự tố tụng.

[4] Theo án sơ thẩm chiều ngày 19/8/2018 Bị cáo H sử dụng xe mô tô 78F5-6461 đi theo S để cùng thực hiện tội phạm. Tại biên bản hỏi cung của kiểm sát viên (tại BL 727) tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Bị cáo H kêu oan và cho rằng, thời điểm xảy ra vụ án bị cáo không có xe 78F5- 6461. Vậy thực tế, H có sử dụng xe mô tô 78F5- 6461 để cùng S đi gây án hay không? việc xác định nguồn gốc xe 78F5- 6461 và ai là chủ sở hữu cần phải làm rõ. Xe do S điều khiển là 75H5-0925, 76H5-0925 hay 78H5-0295 cần phải xác định chủ sở hữu và thu hồi. Mặt khác các bị cáo khai từ ngày 04 tháng 8 năm 2018 đến cuối tháng 11/8/2019 S thường xuyên sử dụng xe mô tô số 78H-0925 chở Hiền thực hiện các vụ trộm cắp trên địa bàn huyện P đã bị kết án tại bản án số 43/2019/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[5] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại đơn kháng cáo H khai: Khi H đang ngồi ăn bánh xèo thì thấy S chở một người phụ nữ đi qua, sau đó S có nhắn tin, điện thoại rủ H tham gia cướp tài sản nhưng H không tham gia. Tại thời điểm xảy ra vụ án H có điện S và ngồi tại quán bánh xèo T ngã ba D từ 16h đến 21h30 phút cho đến khi S về cả hai ăn uống, S trả tiền sau đó đi đâu không biết, (BL 727,728) sáng hôm sau H nhảy tàu đi Khánh Hòa.

Xét thấy; cần xác minh lấy lời khai của chủ quán T là ai, làm rõ khoảng thời gian bất hợp lý nêu trên để xác định có chứng cứ ngoại phạm hay không, đồng thời, cần phải xác định sau gây án, cuộc gọi đầu tiên S điện báo công an Đ có xác

chết lúc 20h 45 phút đêm 19/8/2018, (BL 76,77) và tiếp sau đó Công an huyện Đ và công an Thị xã S nhận được bao nhiêu cuộc điện thoại và thời gian gọi từ số 01628885088 do S tự xưng tên là Nguyễn Văn H điện báo tin có xác chết tại đường tránh bão cầu Đ, S, nên CA duy trì liên lạc tổ chức truy tìm từ 21h45 đến 22h30 phút vẫn không phát hiện xác chết ở đâu, tiếp tục liên lạc với S qua số điện thoại nêu trên lúc 00h00 phút cùng ngày S vẫn giữ liên lạc nhưng sau đó tắt máy, không đến hiện trường để chỉ nơi có xác chết như đã hứa hẹn. Đến trưa ngày 20/8/2018, S tiếp tục điện báo cung cấp nội dung trên. Nhận thấy, diễn biến sự việc sau khi gây án còn có nhiều mâu thuẫn về thời gian, cần phải được điều tra làm rõ. Bởi vì, Án sơ thẩm xác định, gây án xong trên đường cả hai cùng về chia tiền ăn nhậu ngủ chung cùng một khách sạn. Vậy, thời điểm S dừng lại ở đâu để liên tục điện thoại báo tin cho công an và bị cáo H có biết không ? Nội dung H kháng cáo và tại phiên tòa H không ngủ chung với S, xét thấy còn nhiều mâu thuẫn chưa được điều tra.

[6] Theo lời khai ban đầu và các bản tự khai ngày 15/11/2019 (BL 242 đến 249 và 256-257) Hoàng Đức S khai nhận. Lợi dụng trời tối, dùng xe cho nạn nhân đi vệ sinh quay lại, bị cáo dùng dây dù chuẩn bị sẵn siết cổ nạn nhân chết và dùng đá đập vào đầu nạn nhân sau đó lấy tiền. Chỉ có một mình bị cáo thực hiện hành vi giết người, cướp của tại vườn đào đường 664 nhưng do lo sợ, nên điện báo Công an thị xã S và Công an huyện Đ, có vụ giao thông chết người trên ĐT 644 để Công an tìm chôn cất người phụ nữ, Cần phải xem xét đánh giá lại lời khai này có khách quan hay không và có phù hợp với tài liệu chứng thu thập được cũng như diễn biến vụ án hay không.

Xét thấy; Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa được, và có vi phạm nghiêm trọng tố tụng; Vụ án còn quá nhiều mâu thuẫn về thời gian, cách thức thực hiện hành vi phạm tội, nên cần phải thu thập xác minh làm rõ các mâu thuẫn, đối chất lời khai của các bị cáo, người liên quan, La O Thị R, Bà X. Nếu thấy cần thiết, tiến hành thực nghiệm điều tra việc bị cáo S chở nạn nhân đi khoảng 2 km từ cầu C đến Cầu B bằng xe hon đa đến địa điểm gây án trong trạng thái nạn nhân bị chích điện dẫn đến bất tỉnh. Án sơ thẩm tuyên xử : Nguyễn Văn H tù chung thân về hai tội “Giết người”, “Cướp tài sản” là chưa vững chắc, dễ dẫn đến oan sai bỏ lọt hành vi phạm tội. Vì vậy, khi điều tra truy tố xét xử lại, cần xử lý nghiêm đối vai trò chủ mưu cầm đầu, nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2019/HSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với bị cáo Nguyễn Văn H và Hoàng Đức S, giao hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên để điều tra lại theo qui định pháp luật.

[7] Khi xét xử lại cấp sơ thẩm cần tổng hợp hình phạt của bản án 43/2019/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2019 theo qui định pháp luật.

[8] Do hủy án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 355; và điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật

Tổ tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H;

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HSST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Bị cáo Nguyễn Văn H không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tồn